

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:19/2020/DS-ST

Ngày 04 - 12- 2020

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. ông Phạm Xuân Thanh

2. ông Trần Văn Hân

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phan Thanh Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành: bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 năm 2020 và ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST - DS, ngày 13 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:142/2020/QĐHPT - DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa.

- ***Nguyên đơn:*** ông Lê Công L - sinh năm 1962 (có mặt)

Trú tại: xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Công L:*** bà Trần Thị Thúy - Luật sư; công tác tại: Công Ty Luật Hợp Danh Thái Bình Dương; địa chỉ: 83 Nguyễn Trãi, Hà Huy Tập, Tp Vinh, Nghệ an thuộc đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. (có mặt);

- ***Bị đơn:*** + ông Nguyễn Vĩnh Đ - sinh năm 1957

+ ông Nguyễn Vĩnh N - sinh năm 1955

+ ông Vương Kim Đ - sinh năm 1942

Đều trú tại: xóm 13B, xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

(ông Đa, ông Nhị, ông Đường có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

+ bà Nguyễn Thị Hồng - sinh năm 1955 (vợ ông Nhị)

+ bà Nguyễn Thị Sáu - sinh năm 1957 (vợ ông Đa)

+ bà Nguyễn Thị Bốn - sinh năm 1943 (vợ ông Đường)

Đều trú tại: xóm 13B, xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

(bà Hồng, bà Sáu, bà Bốn vắng lần 2 không có lý do)

+ bà Dương Thị Lượng - sinh năm 1960 (vợ ông Lục)

Trú tại: xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An *(vắng mặt ủy quyền lại cho ông Lê Công L Giấy ủy quyền ngày 16/11/2018).*

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2018, lời khai quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Công L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lê Công L bà Trần Thị Thúy và người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Lượng là ông Lê Công L trình bày:

Trước khi ông Lục và bà Dương Thị Lượng cưới nhau ông Lục ở cùng với bố mẹ tại xóm 3, xã Đại Thành. Đến năm 1981 ông Lục và bà Lượng kết hôn thì vợ chồng lên khai hoang dựng nhà ra ở riêng sinh sống ở tại Động Bò thuộc xã Minh Thành cũ nay là xóm 1, xã Đại Thành do năm 1999 xã Minh Thành được tách làm 2 xã; Đại Thành và Minh Thành theo Nghị định số 44, ngày 07/7/1999 vì vậy thửa đất hiện nay đang tranh chấp được nằm trên địa phận xóm 1, xã Đại Thành thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 01.

Vào năm 2000 thực hiện chủ trương của Nhà nước về dự án trồng rừng mới với diện tích 5.000.000ha đất rừng trên địa bàn huyện Yên Thành, gia đình ông Lục đã được giao 4,3 ha (43000m²) đất để trồng rừng tại xóm 1, xã Đại Thành còn gọi là Động Bò. *(Theo sơ đồ thiết kế trồng rừng năm 2000 - Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng - Yên Thành đã được Giám đốc dự án, Chi cục PTLN - NA và Giám đốc sở NN & PTNN phê duyệt)*. Sau khi nhận đất thì gia đình ông Lục đã thuê người đào hố, trồng cây Keo, Tràm trên toàn bộ thửa đất được giao. Trong quá trình trồng trọt, chăm sóc cây cối, gia đình ông Lục được ông Nguyễn Hữu Sáu (đã chết) nguyên là người phụ trách Nông lâm UBND xã Đại Thành hỗ trợ kinh phí, chăm sóc vật tư, bảo quản... tuy nhiên khi cây cối đang trong thời gian trưởng thành thì có một số hộ dân thuộc xã Mỹ Thành thả rông trâu bò phá hoại gần hết diện tích cây trồng của gia đình ông Lục.

Năm 2005, thực hiện kế hoạch quy hoạch Bản đồ, phân lô, phân thửa của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao đất Lâm nghiệp đến cho từng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức cộng đồng trong làng, bản để quản lý, bảo vệ lâu dài, UBND xã Đại Thành cắt một phần đất đã giao cho ông Lục năm 2000 để giao cho 02 hộ dân khác của xã Đại Thành, diện tích còn lại 24.653,6m² giao cho gia đình ông Lục sử dụng. Việc này được căn cứ vào hồ sơ đo đạc lập Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp gồm: Biên bản xác nhận đo vẽ địa giới hành chính ngày 27/6/2005 được ký kết giữa 2 chủ tịch xã Đại Thành và Mỹ Thành; thống kê diện tích đất đai ngày 28/6/2006; bảng tổng hợp số thửa, diện tích số chủ sử dụng theo địa giới hành chính xã ngày 20/6/2006; bảng thống kê diện tích đất đai theo mảnh bản đồ gốc (bản đồ ngày 22/6/2005 và biên bản họp ngày 22/6/2005);

Sau khi được giao đất, thì toàn bộ diện tích của ông Lục chưa sử dụng được hết vì khi đó gia đình ông neo người. Đến năm 2012, thì ông Lục phát hiện một số công dân xã Mỹ Thành trồng cây nhỏ lẻ, vụng trộm lấn sang đất của gia đình ông Lục, ông đã nhiều lần làm đơn khiếu nại lên UBND xã về việc này nên UBND xã đã cử địa chính xã nghiệm thu số cây mà công dân xã Mỹ Thành đã trồng lấn chiếm sang đất của ông Lục số lượng khoảng 300 cây Keo rồi lên phương án đền bù cho các hộ dân xã Mỹ Thành nhưng thỏa thuận đền bù không thành cụ thể rõ ràng nhất là 3 hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường không hợp tác mà còn tiếp tục có hành vi lấn chiếm; do hành vi ngang ngược như vậy ông Lục đã tuyên bố với UBND xã Đại Thành là sẽ phá toàn bộ cây trồng của ông Đa, ông Nhị, ông Đường nhưng UB xã không cho phá chờ huyện giải quyết. Trong thời gian chờ giải quyết thì 3 gia đình ông Đa, ông Nhị, ông Đường tiếp tục trồng cây lấn sang hết $\frac{1}{2}$ diện tích đất của gia đình ông Lục.

Năm 2011 UBND huyện Yên Thành xem xét giải quyết đơn của ông Lục, UBND huyện đã yêu cầu UBND xã Mỹ Thành và Đại Thành lập biên bản, kiểm đếm số cây cối của các hộ dân nói trên để di dời cây, trả lại đất cho gia đình ông Lục, kinh phí di dời cây mỗi xã chịu 50%. Theo biên bản kiểm đếm ngày 12/4/2011 và ngày 16/4/2011 thì hộ ông Nguyễn Vĩnh Đ phải di dời 300 cây, hộ ông Nguyễn Vĩnh N di dời 980 cây. Tuy nhiên các hộ dân trên vẫn không di dời cây để trả lại đất cho ông Lục.

Ngày 27/5/2014, UBND huyện Yên Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất số BR 525535 đối với thửa thửa số 376, tờ BĐ số 1, tại Động Bò, xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành cho ông Lê Công L và bà Dương Thị Lượng.

Do UBND xã phát hiện diện tích đất cấp bìa cho ông Lục còn tranh chấp một phần (cụ thể là một phần đất mà 3 hộ ông Nhị, ông Đa, ông Đường trồng cây trên đất thuộc phía Nam của thửa đất không chịu dời cây trả mặt bằng) nên UBND xã Đại Thành làm tờ trình yêu cầu UBND huyện Yên Thành thu hồi “bìa đỏ” của gia đình ông Lục theo Quyết định số 9265/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất số BR 525535 của ông Lê Công L và bà Dương Thị Lượng).

Vụ việc kéo dài và đã được UBND xã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mặt khác do phía bị đơn không chấp hành nên ông Lục phải làm đơn ra Tòa án huyện Yên Thành yêu cầu giải quyết: Buộc các ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ phải di dời số cây đã trồng trái phép trên diện tích đất của ông Lục, trả lại diện tích đất mà các ông đã xâm lấn khoảng 11.000m² đất rừng;

Để làm rõ diện tích cụ thể bị xâm lấn, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án về tiến hành thẩm định xem xét đo đạc thực tế diện tích đất ông Lục đang sử dụng và diện tích đất tranh chấp giữa các hộ vào ngày 15/5/2020 kết quả số liệu có thay đổi so với số liệu ban đầu ông Lục yêu cầu trong đơn khởi kiện nên tại phiên tòa, ông Lục thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc các hộ gia đình là ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ trả lại cho ông Lục tổng số diện tích đất rừng đã xâm lấn là: 14.168m² cụ thể:

- Buộc hộ ông Nguyễn Vĩnh Đ trả lại 5.574m²;
- Buộc hộ ông Vương Kim Đ trả lại 1.223m²;
- Buộc hộ ông Nguyễn Vĩnh N trả lại 7.371m²

Và bổ sung thêm nguyện vọng được giao tiền cây cho phía bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đưa ra./.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đầy đủ cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Sáu, bà Hồng, bà Bốn Tòa tuy nhiên bà Hồng, bà Sáu, bà Bốn không đến Tòa và tại phiên Tòa lần thứ nhất vắng mặt không có lý do, phiên tòa lần thứ hai cũng vắng mặt không có lý do. Phía bị đơn tuy không đến trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có đơn trình bày gửi Tòa án ngày 01/12/2018 và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt nội dung cụ đơn trình bày cụ thể như sau:

Sau khi biết sự việc ông Lê Công L khởi kiện thì bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; phía bị đơn cho rằng diện tích đất rừng hiện nay mà 3 hộ (hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường) đang sử dụng để trồng cây là đất của ông cha để lại có nguồn gốc từ xa xưa, ranh giới rõ ràng không tranh chấp không lấn chiếm đất với ai; chính quyền 2 xã Đại Thành, Mỹ Thành chưa có thông báo gì về việc này cũng như chưa báo các bên lên làm việc; hơn nữa đất đang tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai cả; mặt khác ông Lục là công dân xóm 3, xã Đại Thành đến cư trú tại địa phận Động bò (thuộc xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành), ông Lục không phải dân gốc của xóm 1, xã Đại Thành cho nên diện tích đất rừng nguyên đơn cho rằng bị đơn xâm lấn là không có căn cứ; đó là đất của 3 hộ quản lý, sử dụng lâu đời từ khi ông Lục chưa đến cư trú; trong diện tích đất rừng đó đang còn một số lăng mộ của công dân xã Mỹ Thành.

Từ những lý do nêu trên 3 hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường khẳng định nguyên đơn ông Lê Công L khởi kiện là không có căn cứ đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất được với nhau về giá trị tài sản cũng như diện tích đất đang tranh chấp vì vậy Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá cụ thể đối với thửa đất số 376, tờ bản đồ số 01; địa chỉ tại xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An có diện tích theo “bìa đỏ” là 23.868m².

Trên thửa đất này hiện nay có 4 người đang sử dụng. Trong đó ông Lê Công L đang sử dụng 9.260,5m², ông Nguyễn Vĩnh N đang sử dụng 7.371 m², ông Nguyễn Vĩnh Đ đang sử dụng 5.574m² và ông Vương Kim Đ đang sử dụng 1.123m². Diện tích đất ông Lê Công L đang sử dụng không tranh chấp, diện tích đất còn lại ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh N, Nguyễn Vĩnh Đ và ông Vương Kim Đ.

Để xác định vị trí, diện tích đất đang tranh chấp cần tách thửa đất số 376 thành các thửa 376A, 376 B, 376C, 376D thể hiện trên sơ đồ về thẩm định.

- Thửa 376A hiện nay ông Lê Công L đang sử dụng không tranh chấp.

- Thửa 376B hiện nay ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh N.
- Thửa 376C hiện nay ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh Đ.
- Thửa 376D hiện nay ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Vương Kim Đ

Cụ thể:

1. Thửa 376B tờ bản đồ số 01 xã Đại Thành huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An hiện nay ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh N.

Sau khi tiến hành đo vẽ thì diện tích đất ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh N là 7.371m² có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông Nam giáp đường khai thác được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 57,31m; đoạn dài 30,89m;
 - Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 74,73m; đoạn dài 25,24m;
 - Cạnh phía Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L được chia thành 4 đoạn: Đoạn dài 9,00m; đoạn dài 26,31m; đoạn dài 26,83m; đoạn dài 29,52m;
 - Cạnh phía Tây giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Huê có chiều dài 36,67m;
 - Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Vương Kim Ngộ được chia thành 3 đoạn: Đoạn dài 20,02m; đoạn dài 45,25m; đoạn dài 46,04m;
- +/Tài sản trên toàn bộ thửa đất 376B là số cây keo trầm do ông Nguyễn Vĩnh N trồng đã 2 năm tuổi có mật độ trung bình 1,5 m²/01 cây.

2. Thửa 376C tờ bản đồ số 01 xã Đại Thành huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An hiện nay ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh Đ.

Sau khi tiến hành đo vẽ thì diện tích đất ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Nguyễn Vĩnh Đ là 5.574m² có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Minh có chiều dài 30,12m.
 - Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Vương Kim Đ được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 45,98m; đoạn dài 39,12m;
 - Cạnh phía Tây Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 22,87m; đoạn dài 28,32m;
 - Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh N được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 25,24m; đoạn dài 74,73m;
- +/Tài sản trên toàn bộ thửa đất 376C là số cây keo trầm do ông Nguyễn Vĩnh Đ trồng đã 2 năm tuổi có mật độ trồng trung bình 1,5 m²/01 cây.

3. Thửa đất 376D, tờ bản đồ số 01 xã Đại Thành huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An ông Lê Công L đang tranh chấp với ông Vương Kim Đ.

Sau khi tiến hành đo vẽ thì diện tích đang tranh chấp là 1.223m² có các cạnh như sau:

- Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Minh được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 9,24m; đoạn dài 71,70m;

- Cạnh phía Tây Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L có chiều dài 33,03m.

- Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ có chiều dài 39,12m.

- Cạnh phía Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ có chiều dài 45,98m.

+/Tài sản trên toàn bộ thửa đất 376D là số cây keo trầm do ông Nguyễn Vĩnh Đ trồng đã 2 năm tuổi có mật độ trồng trung bình 1,5 m²/01 cây.

(Sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Tổng diện tích đất đang tranh chấp sau khi được đo vẽ thẩm định là 23.328,5m².

Ngoài các tài sản trên thửa đất số 376, tờ bản đồ số 01 .thì không có thêm tài sản nào khác.

Tại biên bản định giá ngày 13/11/2020 do các bên không thống nhất được giá nên Hội đồng định giá đưa ra đối với diện tích đất đang tranh chấp là: 1,4168 ha x 70.000.000 đồng/ha = 99.176.000 đồng.

Về tài sản trên đất là cây keo, trầm ở độ tuổi là 2 năm có giá 27.000.000 đồng/ha x 1,4168 ha = 38.253.600 đồng.

Tổng tài sản là 137.429.600 đồng.

Tại buổi xem xét thẩm định đo vẽ thẩm định thực tế và buổi định giá tài sản phía bị đơn có mặt nhưng không ký vào biên bản nên Tòa án đã lập biên bản về việc này.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trần Thị Thúy trình bày quan điểm bảo vệ :

Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

+/ Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

+/ Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+/ Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật: Bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản: Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật buộc nguyên đơn phải chi án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá tài sản./.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến trình bày của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về tố tụng:

- Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đã được UBND xã mời lên làm việc hòa giải vào ngày 12/12/2013 tại UBND xã Mỹ Thành và các ngày 09/4/2018 và 27/7/2018 tại UBND xã Đại Thành nên đáp ứng điều kiện khởi kiện theo quy định tại điều 202 Luật đất đai.

Phần đất tranh chấp thuộc khu vực xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Đây là vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp được quy định tại khoản 9 điều 26 BLTTDS và điều 203 Luật đất đai năm 2013 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự yêu cầu các bên đương có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nhưng những người liên quan trong vụ án là bà Hồng, bà Sáu, bà Bốn không có mặt. Vì vậy Toà án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 13/11/2020, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 23/11/2020 nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồng, bà Sáu, bà Bốn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Toà án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng phiên tòa lần thứ hai cho các bên đương sự tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Phía bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được tòa án chấp nhận vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồng, bà Sáu, bà Bốn.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện là buộc các hộ gia đình là ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ trả lại cho ông Lục

tổng số diện tích đất rừng đã xâm lấn là: 14.168m² theo số liệu đo đạc mới tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/5/2020 cụ thể: Buộc hộ ông Nguyễn Vĩnh Đ trả lại 5.574m²; buộc hộ ông Vương Kim Đ trả lại 1.223m²; buộc hộ ông Nguyễn Vĩnh N trả lại 7.371m² và nguyện vọng được giao tiền cây cho phía bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đưa ra. Xét yêu cầu bổ sung của nguyên đơn đều hướng về một nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp xuất phát từ việc trồng cây xâm lấn của phía bị đơn đều còn việc diện tích tăng giảm là do sai số qua các thời kỳ đo đạc nên không vượt quá phạm vi khởi kiện do đó HĐXX chấp nhận.

Về tạm ngừng phiên tòa ngày 30/11/2020, do có một số tình tiết cần phải xác minh, bổ sung tài liệu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Sau khi xác minh thu thập, bổ sung thêm chứng cứ, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa vào ngày 04/12/2020 là đúng với quy định tại điểm c, khoản 1; khoản 2 Điều 259 BLTTDS.

2. Về nội dung:

(2.1) Xem xét tính pháp lý của một số chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và Quyền sử dụng đất của các bên đương sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn phủ nhận UBND xã chưa làm hòa giải tranh chấp giữa các bên; thửa đất hiện đang tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai đồng thời cho rằng đất có nguồn gốc từ xa xưa ông bà, cha mẹ lên khai hoang để lại cho các bị đơn mãi sau này ông Lục mới lên ở xóm 1 vì trước đây ông Lục là công dân xóm 3, xã Đại Thành do đó phía bị đơn khẳng định không có tranh chấp lấn chiếm đất với ông Lục và đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các biên bản xác minh cũng như lời trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa HĐXX thấy.

Vợ chồng ông Lê Công L sau khi cưới nhau di chuyển lên xóm 1, xã Đại Thành khai khẩn đất hoang để sản xuất và sinh sống từ năm 1981. Đến năm 2000 thì huyện Yên Thành đã được Giám đốc dự án, Chi cục PTLN - NA và Giám đốc sở NN & PTNN phê duyệt sơ đồ thiết kế trồng rừng năm 2000 - Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng trong đó gia đình ông Lê Công L được giao 4,3ha (43000m²) đất rừng tại tiểu khu 692, xã Đại Thành để trồng rừng. Nhưng đến năm 2005, thực hiện kế hoạch quy hoạch Bản đồ, phân lô, phân thửa của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao đất Lâm nghiệp đến cho từng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức cộng đồng trong làng, bản để quản lý, bảo vệ lâu dài, UBND xã Đại Thành cắt một phần đất đã giao cho ông Lục năm 2000 để giao cho 02 hộ dân khác của xã Đại Thành gồm hộ ông Phan Văn Huê (nay là ông Phan Văn Hòa con ông Huê đang sử dụng thuộc sổ thừa chính thức 372) và hộ ông Phan Văn Minh sử dụng thuộc thừa chính thức 373 nên diện tích còn lại 24.653,6m² giao cho gia đình ông Lục sử dụng thuộc thừa chính thức 376 thể hiện rõ trong sổ đã ngoại lập ngày 22/6/2005 trong sổ đã ngoại không có tên các hộ ông Đa, ông Nhi, ông Đường. Diện tích đất gia đình ông Lê Công L tự khai hoang đã được UBND xã Đại Thành xác nhận nguồn gốc, thời gian sử dụng

trước ngày 15/10/1993 có biên bản xác định mốc giới thửa đất và có phiếu giao nhận diện tích đất 23.868m² kèm theo ngày 29/8/2013.

Mặt khác căn cứ vào hồ sơ đo đạc lập Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp gồm: Biên bản xác nhận đo vẽ địa giới hành chính ngày 27/6/2005 được ký kết giữa 2 chủ tịch xã Đại Thành và Mỹ Thành; thống kê diện tích đất đai ngày 28/6/2006; bảng tổng hợp số thửa, diện tích số chủ sử dụng theo địa giới hành chính xã ngày 20/6/2006; bảng thống kê diện tích đất đai theo mảnh bản đồ gốc (bản đồ ngày 22/6/2005 và biên bản họp ngày 22/6/2005); bảng thống kê diện tích đất đai theo mảnh bản đồ gốc (bản đồ địa chính cơ sở) xã Đại Thành, huyện Yên Thành, số hiệu mảnh bản đồ DC1 lập ngày 02/6/2006, xã Đại Thành có 380 thửa, trong đó thửa 376 với diện tích 24.653,6m² mang tên Lê Công L. (Trong bảng thống kê này không có hộ nào có tên Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh Nhị, Vương Kim Đ).

Từ đó cho thấy diện tích đất của hộ ông Lục đã có các văn bản giấy tờ nêu trên làm căn cứ pháp lý khẳng định quyền sử dụng đất lâm nghiệp của ông tại xóm 1, xã Đại Thành nhưng do việc giải quyết tranh chấp địa giới hành chính giữa 2 xã Đại Thành và Mỹ Thành còn vướng mắc; các hộ dân xã Đại Thành trong đó có hộ ông Lục đã làm đơn lên UBND xã về việc này, UBND xã Đại Thành đã ra văn bản kiến nghị gửi UBND xã Mỹ Thành ngày 20/5/2007 nhưng vẫn còn vướng mắc; sự việc mãi không đi đến kết quả thống nhất nên ngày 02/12/2008 UBND huyện Yên Thành ông Nguyễn Sỹ Hưng đã ra Thông báo số 276 kết luận giao cho lãnh đạo 2 xã không bàn về quá khứ, nguồn gốc đất đai, 2 xã thống nhất địa giới hành chính theo 364; sau đó ngày 10/01/2009 UBND huyện Yên Thành cùng 2 xã Đại Thành, Mỹ Thành lập biên bản cắm cột mốc và xác định ranh giới hành chính giữa 2 xã. Như vậy khẳng định phần đất hiện nay đang tranh chấp phía Nam của thửa đất thuộc phần đất ông Lục được giao năm 2000 và năm 2005 nằm trên địa giới hành chính xã Đại Thành; tuy nhiên các hộ dân xã Mỹ Thành vẫn xâm canh trái phép nên ông Lục đã nhiều lần làm đơn khiếu nại lên UBND xã; xã đã cử địa chính về nghiệm thu số cây mà công dân xã Mỹ Thành đã trồng lấn chiếm sang đất của ông Lục số lượng khoảng 300 cây Keo cũng như phương án đền bù cho các hộ dân xã Mỹ Thành nhưng không thành; điển hình là 3 hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường không hợp tác; mặc dù ông Lục đã tuyên bố với UBND xã Đại Thành là sẽ phá toàn bộ cây trồng ban đầu là có 2 hộ ông Đa, ông Nhị sau đó có hộ ông Đường nhưng UBND xã không cho phá mà nói chờ huyện giải quyết điều này cho thấy đối tượng mà ông Lục hướng tới yêu cầu giải quyết tranh chấp là 3 hộ ông Đa, ông Nhị, ông Lục trồng cây xâm lấn trên đất của ông.

Quá trình giải quyết tại xã thì ông Đa, ông Nhị, ông Đường cũng có đơn lên UBND xã Mỹ Thành vào thời gian từ ngày 30 đến 31/8/2011 với nội dung các ông khẳng định diện tích đất mà UBND xã buộc gia đình các ông phải di dời cây nhận tiền đền bù trả lại đất cho xã Đại Thành thì có nguồn gốc từ 1968 gia đình các ông đã cặm cây tự nhiên thu hoạch từ bao đời, lại còn có một số mộ chôn cất từ lâu nên muốn được bảo quản sử dụng và nộp tiền theo chủ trương của nhà nước chứ các ông không chấp nhận di dời cây trả đất. Ngày 01/11/2011 UBND xã Mỹ Thành ra

báo cáo số 26/BC - UBND gửi UBND huyện Yên Thành, phòng TNMT, phòng nội vụ huyện Yên Thành với nội dung phản ánh 2 hộ ông Nhị, ông Đa cho rằng nguồn gốc đất của 2 hộ đang trồng cây trên đất của Đại Thành (cụ thể là tại khu vực xóm 1, xã Đại Thành hiện ông Lê Công L đang khởi kiện) là đất có nguồn gốc từ năm 1968 của ông cha để lại, các hộ muốn bảo quản và chịu tiền theo chủ trương nhà nước, tiền hỗ trợ bảo quản đất lâm nghiệp và tiền công di dời cây chưa đáp ứng, vùng đồi góc Tam giác thuộc phần đất nằm trong địa giới hành chính xã Đại Thành có nhiều lăng mộ xã Mỹ Thành chôn cất từ lâu đời các hộ dân xã Mỹ Thành muốn được sử dụng nguyên trạng quỹ đất trên cơ sở xã Mỹ Thành quản lý; năm 1996 công dân xã Đại Thành đã ném đất đá sang Mỹ Thành công dân xã Mỹ Thành có đơn nhưng chưa có hồi âm giải quyết.

Để trả lời cho báo cáo của UBND xã Mỹ Thành thì phòng tài nguyên môi trường huyện Yên Thành đã ra Giấy mời làm việc ngày 07/3/2011 đối với 2 xã Mỹ Thành, Đại Thành. Ngày 22/3/2011 UBND huyện Yên Thành ra công văn số 186/UBND giao trách nhiệm cho 2 xã Mỹ Thành và Đại Thành phối hợp cùng nhau kiểm đếm số cây trồng trên phần diện tích đang tranh chấp để di dời, về kinh phí lập hồ sơ để hỗ trợ công khai hoang cho dân do UBND xã Đại Thành chịu. Tại văn bản này, UBND huyện Yên Thành cũng thể hiện rõ: “Do đây là đất chưa được giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng mà công dân tự trồng cây nên không được hỗ trợ tiền công đào hố trồng cây, tiền cây mà chỉ được hỗ trợ tiền công di dời cây. Kinh phí hỗ trợ tiền công di dời cây thì cả 02 xã cùng chịu trách nhiệm hỗ trợ, mỗi xã chịu 50%. Hoàn thành việc di dời cây trước ngày 15/4/2011”.

Về các phần mộ liên quan thì giao cho 2 xã kiểm đếm số lượng ngôi mộ trên đất trong phần diện tích đất này được phép xây dựng để phục vụ tâm linh không được coi nói mở rộng thêm, không được chôn cất, xây dựng thêm mới.

Trong biên bản thống kê số và diện tích cây khai hoang giữa 2 xã Mỹ Thành và Đại Thành lập ngày 12/4/2011 và biên bản hỗ trợ diện tích đất khai hoang và di dời cây cối tại cùng làng Cộ, xóm 1- xã Đại Thành và xóm 13B - xã Mỹ Thành ngày 16/4/2020 thì hộ ông Nguyễn Vĩnh N phải di dời 980 cây, hộ ông Nguyễn Vĩnh Đ phải di dời 300 cây. Tổng số cây phải di dời là 1280 cây.

Tiếp theo đó tại biên bản làm việc giữa phòng nội vụ huyện Yên Thành và 2 UBND xã Mỹ Thành, Đại Thành ngày 24/8/2011 có nội dung 2 xã thống nhất: Diện tích đất khai hoang 1576m² hai hộ ông Đa, ông Nhị trồng cây trên đất của xã Đại Thành là 1280 cây (chưa xác định diện tích nay đã được Tòa án đo vẽ diện tích cụ thể ngày 15/5/2020). UBND xã Đại Thành đã chuyển tiền cho UBND xã Mỹ Thành tiền khai hoang 6.200.000 đồng và đền bù 50% giá trị tiền cây là 640.000 đồng, tổng đã chuyển cho UBND xã Mỹ Thành là 6.840.000 đồng. Tiền khai hoang UBND xã Mỹ Thành đã trả cho 4 hộ dân còn tiền cây dân chưa nhận; 2 xã đề nghị UBND huyện ra văn bản buộc 4 hộ dân xã Mỹ Thành trả đất cho Mỹ Thành (cụ thể có 2 hộ ông Đa và ông Nhị).

Sau đó UBND xã Mỹ thành đã lập biên bản làm việc giữa UBND xã Mỹ Thành và các hộ ông Nhị, ông Đa ngày 27/8/2011 có nội dung đề nghị 2 hộ ông

Đa, ông Nhị nhận tiền hỗ trợ khai hoang và di dời cây trả lại đất cho UBND xã Đại Thành nhưng không thành (ban đầu có 2 hộ ông Nhị, ông Đa, sau này có hộ ông Đường). Nên ngày 12/9/2013 UBND huyện Yên Thành đã mời 2 xã Đại Thành, Mỹ Thành lên làm việc đến ngày 12/12/2013 UBND xã Mỹ Thành mời ba hộ ông Nhị, ông Đa, ông Đường lên làm việc nhưng tiếp tục không thành. Trong biên bản có ghi nội dung được bao quát một số các ý chính chủ chốt như: Giao cho các hộ chuyển cũ bỏ qua ...căn cứ vào bản đồ địa giới hành chính 364 các hộ kê khai thiệt hại để được đền bù xứng đáng còn từ nay các hộ không được trồng cây nữa; tiến hành kiểm đếm cây, mời các hộ lên để nghe kết quả kiểm đếm nếu các hộ không chấp hành thì giao văn bản kiểm đếm cho các hộ, nếu các hộ không nhận tiền đền bù thì tiền này gửi vào tài khoản tạm gửi ngân hàng nhà nước không kỳ hạn để củng cố hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất.

Hơn nữa căn cứ vào bản trích lục bản đồ khu đất - trích lục trên tờ Bản đồ lâm nghiệp số 1, thuộc xã Đại Thành, huyện Yên Thành, địa chỉ khu đất tại xóm 1, xã Đại Thành do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Yên Thành lập năm 2013 thì thửa đất số 376, diện tích $23.868m^2$ (số đo hiện trạng là $23.328.5m^2$) của hộ ông Lục đã được UBND xã Đại Thành lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất vào năm 2013; các chủ giáp ranh thể hiện rõ chỉ có hộ ông Phan Văn Minh, Phan Văn Huê (Phan Văn Hòa) không có hộ giáp ranh nào mang tên Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ. Ông Lục, bà Lượng được giao đất sử dụng tại phiếu giao nhận diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng đo đạc địa chính lập ngày 29/8/2013, thửa đất 376, diện tích $23.868m^2$ tại Động Bò, xã Đại Thành. Tại biên bản giao đất thực địa năm 2014 của UBND huyện Yên Thành, hộ ông Lê Công L được giao 1 lô đất tại vị trí Động Bò, xóm 01, lô đất số (thửa) 376, diện tích $23.868m^2$ trong đó đất lâm nghiệp: $23.868m^2$. Giới cận: Phía Đông giáp: Phan Văn Minh; Phía Tây giáp: Phan Văn Hòa; phía Nam giáp: Động Bò; Phía Bắc giáp: Đường đi;

Hơn nữa trong hồ sơ quản lý rừng cho chủ rừng nhóm I (lập năm 2015 - chủ rừng Lê Công L). Thửa 376, tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 2,47ha, gồm các lô: 345 với diện tích: 0,13ha; lô 349 với diện tích 0,71ha; lô 352 với diện tích 0,23ha; Lô 353 với diện tích 1,21 ha; lô 361 với diện tích 0,19ha.

Như vậy, căn cứ vào những tài liệu trên, thửa đất 376, tờ bản đồ số 01, xã Đại Thành, huyện Yên Thành đã được gia đình ông Lê Công L khai phá và sử dụng có nguồn gốc trước năm 1993 và chính thức được UBND xã Đại Thành, UBND huyện Yên Thành giao cho ông Lê Công L sử dụng từ năm 2000 và 2005. Do đó, thửa đất 376, tờ bản đồ số 01, tại xã Đại Thành, huyện Yên Thành thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Lê Công L. Không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện thửa đất đang tranh chấp đứng tên của các bị đơn: Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ tuy trong các thông báo, các văn bản của UBND huyện và các văn bản cũng như các biên bản làm việc tại xã không xác định rõ được diện tích đất rừng cụ thể buộc các hộ dân xã Mỹ Thành là hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường di dời cây trả đất cho ông Lục nhưng căn cứ vào quá trình hình thành nguồn gốc đất

cũng như nội dung mà 2 xã và UBND huyện Yên Thành giải quyết đều hướng đến một nội dung giải quyết tranh chấp việc trồng cây xâm lấn của các hộ dân xã Mỹ Thành trên đất của công dân xã Đại Thành cụ thể là buộc các hộ ông Nhị, ông Đa, ông Đường di dời cây nhận tiền đền bù nhưng không chịu chấp hành nên sự việc kéo dài hậu quả làm cho hộ ông Lục bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó cho thấy nguyên nhân dẫn đến việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lục là do 3 hộ ông Nhị, ông Đa, ông Đường không chấp hành chủ trương của nhà nước, mặc dù phía bị đơn cho rằng không xâm lấn, không tranh chấp và đất có nguồn gốc của ông cha để lại tuy nhiên phía bị đơn không có tài liệu chứng cứ nào khẳng định diện tích đất hiện nay phía bị đơn đang trồng cây là của mình, trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng không cung cấp được cho Tòa án và ngay tại thời điểm khi các hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường viết đơn lên xã Mỹ Thành hay tại các buổi làm việc tại UBND xã bị đơn cũng chỉ nêu ra được nguồn gốc từ 1968 nhưng không có tài liệu để chứng minh quyền sử dụng đất của mình từ đó cho thấy bị đơn cho rằng UBND xã chưa tiến hành hòa giải hay nói cách khác là làm việc với bị đơn là không đúng thực tế; bị đơn đã được thực hiện quyền của mình như trình bày ý kiến nguyện vọng trong đơn cũng như trong các buổi làm việc và được thông báo về việc kiểm đếm, kết quả kiểm đếm cây, phương án đền bù cây cũng như việc không được trồng cây trên đất Đại Thành vì đã được phân định địa giới hành chính. Hơn nữa khi ông Lục được UBND huyện Yên Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía bị đơn không có bất kỳ đơn từ hay tài liệu có tính pháp lý buộc hủy Giấy CNQSD đất của hộ ông Lục mà việc thu hồi này do đề nghị UBND xã Đại Thành xuất phát từ việc không chấp hành của phía bị đơn về việc di dời cây trả đất cho xã Đại Thành theo chủ trương của huyện đề ra. Mặt khác trong Quyết định thu hồi lý do là một phần diện tích đang tranh chấp nhưng lý do tranh chấp này đều xuất phát cùng về một hướng với nội dung phía bị đơn không chấp hành chủ trương di dời cây để trả đất;

Như vậy cho thấy Giấy CNQSD đất của hộ ông Lục bị thu hồi là do phía bị đơn không chấp hành việc di dời cây trả đất mặc dù xã Mỹ Thành cùng UBND huyện đã làm việc với phía bị đơn rất nhiều lần chứ không phải hộ gia đình ông Lục vi phạm các quy định về Luật đất đai hay do đo đạc không phát hiện ra một phần đất cấp cho ông Lục đang bị tranh chấp mà không biết (bởi lẽ phần đất này đã được phân định nằm trên địa giới hành chính xã Đại Thành thì chỉ cần 3 hộ bị đơn chấp nhận di dời cây trả đất thì đo đạc, điều chỉnh lại để tiến hành cấp bìa đo cho ông Lục theo yêu cầu);

Ngoài việc căn cứ vào các văn bản đã phân tích nêu trên, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Phan Văn Dung xóm trưởng xóm 1, xã Đại Thành; ông Dung cho biết là do 3 hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường trồng cây trên đất ông Lục không chịu di dời cây để trả đất và khẳng định đất thuộc địa giới hành chính xã Đại Thành đồng thời căn cứ vào sơ đồ hiện trạng đất thì phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc phía Nam của thửa đất nằm gần đường đi mà đường đi này nằm trên địa giới hành chính được kéo dài từ trụ sở UBND xã Đại Thành nằm trên địa giới hành

chính của xã Đại Thành bởi lẽ trước khi đến được đường đi này thì có một cánh đồng mà cánh đồng này thuộc địa phận hành chính xã Đại Thành không có liên quan gì đến xã Mỹ Thành; mặt khác căn cứ vào lời trình bày của các hộ liên kế ông Phan Văn Minh, ông Phan Văn Huệ (Phan Văn Hòa) từ năm 2005 được nhà nước cắt giao đất từ diện tích đất của ông Lục sử dụng ổn định không có tranh chấp gì với hộ ông Lục; hộ ông Vương Kim Ngộ cũng không có tranh chấp gì với ông Lục và tại biên bản xác minh ngày 01/12/2020 thì địa chính xã Đại Thành cho biết thửa đất 376, tờ bản đồ số 1 có tăng giảm về diện tích lý do tăng giảm là do sai số trong việc đo đạc qua các thời kỳ, tứ cận không thay đổi hiện tranh chấp với 3 hộ ông Nhị, ông Đa, ông Đường công dân xã Mỹ Thành ngoài ra không có tranh chấp hay đơn khiếu nại của hộ dân nào liên quan đến thửa đất đang tranh chấp.

Do đó xét thấy cần tiếp tục căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND huyện về phân định địa giới hành chính của 2 xã để đảm bảo ranh giới thửa đất như ranh giới mà UBND xã Đại Thành cũng như UBND huyện Yên Thành đã lập cho hộ ông Lục vào năm 2013 và tiếp tục tiến hành cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông Lục theo khoản 4 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 theo diện tích đo đạc và sơ đồ đo vẽ thẩm định ngày 15/5/2020 là 23.328,5m².

(2.2) Xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự:

Do hiện nay một phần đất của hộ ông Lục đang yêu cầu giải quyết tranh chấp thì phía bị đơn đang trồng cây nên thuộc công sức của bị đơn do đó cần tính công sức này để đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn có nguyện vọng và đề nghị giao toàn bộ số cây của các hộ ông Đa, Nhị, Đường đã trồng xâm lấn trên diện tích đất của hộ ông Lê Công L cho ông Lục sử dụng và ông Lục sẽ thanh toán bằng tiền giá trị của số cây này cho các hộ ông Đa, ông Nhị, ông Đường. Giá trị cây được xác định theo Biên bản của Hội đồng định giá tài sản ngày 13/11/2020 tổng số tiền cây là: **38.253.600đ** (ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Cụ thể

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Vương Kim Đ, bà Nguyễn Thị Bốn là: $27.000.000 \times 0,1223\text{ha} = 3.302.100\text{đ}$ (ba triệu ba trăm linh hai nghìn một trăm đồng)

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Nguyễn Vĩnh Đ và bà Nguyễn Thị Sáu là: $27.000.000 \times 0,5574\text{ha} = 15.049.800\text{đ}$ (mười lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng)

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Nguyễn Vĩnh N và bà Nguyễn Thị Hồng là: $27.000.000 \times 0,7371\text{ha} = 19.901.700\text{đ}$ (mười chín triệu chín trăm linh một nghìn bảy trăm đồng);

Về vấn đề này HĐXX xét thấy nguyện vọng của phía nguyên đơn là hoàn toàn chính đáng bởi lẽ nguyện vọng của nguyên đơn cũng là ý chí, nguyện vọng của 2 xã, UBND huyện đã đề ra từ trước với mục đích để không làm thay đổi hiện trạng trên đất, tránh gây thiệt hại về tài sản và đảm bảo quyền lợi về công sức cho bị đơn HĐXX thấy cần chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp với thực tế phù hợp với quy định của pháp luật./.

Mặc dù tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX bác đơn của nguyên đơn ông Lê Công L với lý do Giấy chứng nhận QSD đất của nguyên đơn bị thu hồi nên buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cũng như chi phí định giá tài sản, chi phí thẩm định. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự HĐXX thấy đủ căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn do đó:

- **Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản:** Phía bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ mà nguyên đơn ông Lê Công L đã nộp số tiền 678.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003040 ngày 11/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tuy nhiên phía bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; riêng tiền chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ do bên nguyên đơn đã chi số tiền 6.000.000 đồng nên phía bị đơn ông Nguyễn Vĩnh N, Nguyễn Vĩnh Đ, Vương Kim Đ phải giao lại 6.000.000 đồng cho nguyên đơn Lê Công L theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26,35,39,147;khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 164;175 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100;166 và Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điểm d khoản 1 điều 12, khoản 4 điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công L về tranh chấp Quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Vĩnh N, ông Nguyễn Vĩnh Đ, ông Vương Kim Đ (cụ thể một phần thuộc phần phía Nam của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 1 có địa chỉ tại xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An)

Buộc: ông Nguyễn Vĩnh N, Nguyễn Vĩnh Đ, Vương Kim Đ phải trả lại cho gia đình ông Lê Công L 14.168m² đất lâm nghiệp (phía Nam của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 1 đã xâm lấn tại xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) cụ thể:

- **Buộc hộ ông Nguyễn Vĩnh N trả lại 7.371m² cho ông Lê Công L số liệu đo đạc mới có các cạnh như sau:**

+/Cạnh phía Đông Nam giáp đường khai thác được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 57,31m; đoạn dài 30,89m;

+/Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 74,73m; đoạn dài 25,24m;

+/Cạnh phía Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L được chia thành 4 đoạn: Đoạn dài 9,00m; đoạn dài 26,31m; đoạn dài 26,83m; đoạn dài 29,52m;

+/ Cạnh phía Tây giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Huê có chiều dài 36,67m;

+/Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Vương Kim Ngộ được chia thành 3 đoạn: Đoạn dài 20,02m; đoạn dài 45,25m; đoạn dài 46,04m;

- **Buộc ông Nguyễn Vĩnh Đ trả lại 5574m² cho ông Lê Công L số liệu đo đạc mới có các cạnh như sau:**

+/Cạnh phía Đông giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Minh có chiều dài 30,12m.

+/Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Vương Kim Đ được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 45,98m; đoạn dài 39,12m;

+/Cạnh phía Tây Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 22,87m; đoạn dài 28,32m;

+/Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh N được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 25,24m; đoạn dài 74,73m;

- **Buộc ông Vương Kim Đ trả lại 1.223m² cho ông Lê Công L số liệu đo đạc mới có các cạnh như sau:**

+/Cạnh phía Đông Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Phan Văn Minh được chia thành 2 đoạn: Đoạn dài 9,24m; đoạn dài 71,70m;

+/Cạnh phía Tây Bắc giáp đất rừng sản xuất của ông Lê Công L có chiều dài 33,03m.

+/Cạnh phía Tây Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ có chiều dài 39,12m.

+/ Cạnh phía Nam giáp đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Vĩnh Đ có chiều dài 45,98m. (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án)

- Buộc ông Lê Công L thanh toán tổng số tiền cây cho ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ là: **38.253.600đ** (ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Cụ thể

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Vương Kim Đ, bà Nguyễn Thị Bốn là: $27.000.000 \times 0,1223\text{ha} = 3.302.100\text{đ}$ (ba triệu ba trăm linh hai nghìn một trăm đồng)

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Nguyễn Vĩnh Đ và bà Nguyễn Thị Sáu là: $27.000.000 \times 0,5574\text{ha} = 15.049.800\text{đ}$ (mười lăm triệu không trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng)

+/ Số tiền ông Lục phải trả cho ông Nguyễn Vĩnh N và bà Nguyễn Thị Hồng là: $27.000.000 \times 0,7371\text{ha} = 19.901.700\text{đ}$ (mười chín triệu chín trăm linh một nghìn bảy trăm đồng);

- **Về án phí:** Trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ mà nguyên đơn ông Lê Công L đã nộp số tiền 678.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003040 ngày 11/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- **Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:** Buộc ông Nguyễn Vĩnh Đ, Nguyễn Vĩnh N, Vương Kim Đ phải giao lại 6.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và thẩm định xem xét tại chỗ cho nguyên đơn theo quy định.

Nguyên đơn ông Lê Công L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và đăng ký lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất 376, tờ bản đồ số 1 tại xóm 1, xã Đại Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (theo thực trạng đo vẽ mới ngày 15/5/2020 có sơ đồ chi tiết kèm theo);

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Lượng là ông Lê Công L có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng, bà Nguyễn Thị Sáu, bà Nguyễn Thị Bốn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhân:

- Các đương sự
- VKSND H. Yên Thành
- Chi cục THADS H. Yên Thành
- Lưu Hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nhung